



xìng xíng wéi

性行为

noun · sexual behavior, sexual act

Example Sentences

xìng xíng wéi shì chéng nián rén zhī jiān sī mì de shì qíng

性行为是成年人之间私密的事情。

Sexual behavior is a private matter between adults.

jiào yù hái zǐ liǎo jiě ān quán de xìng xíng wéi hěn zhòng yào

教育孩子了解安全的性行为很重要。

It is important to educate children about safe sexual behavior.

Trace each character, then write the word on your own.

性	性	性	性	性	性	性	性	性	性	性	性
行	行	行	行	行	行	行	行	行	行		
为	为	为	为	为	为	为					